



yǒu xīn
有心

adjective/verb phrase · intentional, caring

Example Sentences

Tā shì yǒu xīn bāng nǐ de
他是有心帮你的。

He intentionally wants to help you.

Yǒu xīn rén zhōng huì chéng gōng
有心人终会成功。

A determined person will eventually succeed.

tā yǒu xīn xué xí zhōng wén suǒ yǐ jìn bù hěn kuài
她有心学习中文，所以进步很快。

She is intent on learning Chinese, so she progresses quickly.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有											
心	心	心	心	心	心	心	心	心											